TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **230**/2020/DS-ST
Ngày: 10/7/2020
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đúng.
2. Ông Võ Hoàng Thu.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 732/2018/TLST-DS ngày 13/12/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2020/QĐST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Dương Hiếu Nh**, sinh năm 1978.
Địa chỉ: B20/27A5 xã Bình H, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lưu Danh Kh**, sinh năm 1988; địa chỉ: Tầng 3 số 859 Trần Hưng Đ, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 09/8/2018) – Có mặt.

Bị đơn:

1/ Ông **Huỳnh Công H**, sinh năm 1970 – Vắng mặt.
2/ Bà **Nguyễn Thu V**, sinh năm 1973 – Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: D8/237 ấp 4, xã Đa P, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2018, Bản tự khai; Biên bản ghi nhận sự vắng mặt ngày 14/8/2019; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/9/2019, Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 10/9/2019, nguyên đơn ông Dương Hiếu Nh có đại diện theo ủy quyền là ông Lưu Danh Kh trình bày:

Ngày 14/7/2014, ông Huỳnh Công H và bà Nguyễn Thu V có vay của ông Dương Hiếu Nh số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng. Khi vay hai bên có làm hợp đồng công chứng, thời điểm nhận tiền: Ngay sau ký hợp đồng. Thời hạn vay: 06 tháng, kể từ ngày 14/7/2014 đến ngày 14/01/2015. Lãi suất: 1%/tháng (3.000.000 đồng/tháng), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Lãi trả hàng tháng vào ngày 14 dương lịch, gốc trả cuối kỳ. Sau khi vay, khi ông Nh liên tục đến nhà và biết được ông H, bà V nợ rất nhiều người. Hiện nay, ông H và bà V tỏ thái độ bất hợp tác và trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Nh mặc dù ông Nh đã nhiều lần yêu cầu và tạo điều kiện cho ông H, bà V có thêm thời gian thanh toán nợ. Tạm tính đến ngày 14/7/2018, ông H và bà V còn nợ ông Nh tổng số tiền là 438.000.000 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 300.000.000 đồng ; Nợ lãi: 138.000.000 đồng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, ông Kh đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Buộc ông Huỳnh Công H và bà Nguyễn Thu V có trách nhiệm trả cho ông Dương Hiếu Nh số tiền gốc và lãi một lần duy nhất.

Tại Biên bản không tiến hành hòa giải được ngày 10/9/2019, ông Kh đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn gốc là 300.000.000 đồng tiền lãi là 174.000.000 đồng. Tổng cộng là 474.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

1/ Đại diện cho nguyên đơn nộp thêm chứng cứ là Biên nhận tiền có chữ ký và chữ viết của ông H, bà V và có yêu cầu như sau: Tôi đại diện cho nguyên đơn yêu cầu ông H và bà V có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc là 300.000.000 đồng, và tiền lãi như sau:

- Tiền lãi trong hạn là 1%/tháng tính từ ngày 17.07.2014 đến 14.01.2015 là 06 tháng x 3.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

- Tiền lãi quá hạn tính từ ngày 15.01.2015 đến 15.06.2020 là 65 tháng = 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định = 9%/năm(150% lãi suất cơ bản), tương đương 13,5%/năm là 1,125%/tháng, cụ thể: 3.375.000 đồng/tháng x 65 tháng = 219.375.000 đồng.

Yêu cầu ông H và bà V trả tổng số tiền cả gốc và lãi là: 537.375.000 (Năm trăm ba mươi bảy triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng. Trả ngay 01 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

2/ Bị đơn ông Huỳnh Công H và bà Nguyễn Thu V vắng mặt không rõ lý do.

3/ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu quan điểm:

- Về tuân theo tố tụng: luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên chưa bảo đảm về thời hạn xét xử.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Cụ thể: Đề nghị Hội đồng xét xử hấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc là 300.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 18.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu trả tiền lãi quá hạn của nguyên đơn đối với bị đơn của thể là vì yêu cầu này của nguyên đơn trái với quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền lãi quá hạn trên nợ gốc theo mức

lãi suất là 9%/năm, tương đương 0.75%/tháng. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về quan hệ tranh chấp:

Ông Dương Hiếu Nh khởi kiện ông Huỳnh Công H và bà Nguyễn Thu V yêu cầu ông H và bà V trả số tiền đã vay của ông Nh là 300.000.000 đồng cùng tiền lãi. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc tranh chấp dân sự về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

[2]- Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ đơn khởi kiện của ông Dương Hiếu Nh khởi kiện ông Huỳnh Công H và bà Nguyễn Thu V, căn cứ vào Biên bản trả lời xác minh ngày 07/11/2019 của Công an xã Đa P, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh thì ông H và bà V có đăng hộ khẩu ký thường trú tại: D8/237 ấp 4, xã Đa P, huyện Bình Ch. Do bị đơn có nơi cư trú tại huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3]- Về sự vắng mặt của đương sự:

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ cho bị đơn là ông Huỳnh Công H và bà Nguyễn Thu V các văn bản gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên ông H và bà V không tham gia tố tụng tại Tòa án, cũng không có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H và bà V theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]- Về pháp luật áp dụng:

Do giao dịch giữa các đương sự được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[5]- Về nội dung vụ án: Vào ngày 14/7/2014 ông Dương Hiếu Nh và vợ chồng ông Huỳnh Công H, Nguyễn Thu V đã ký với nhau hợp đồng vay tiền, trong đó ông Nh cho vợ chồng ông H bà V vay số tiền là 300.000.000 đồng vốn gốc, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất 1%/tháng, trả tiền lãi vào ngày 14 dương lịch hàng hàng.

[5.1]- Xét hình thức của Hợp đồng vay tiền ngày 14/7/2014:

Hợp đồng vay tiền ký ngày 14/7/2014 ký giữa ông Dương Hiếu Nh và vợ chồng ông Huỳnh Công H, bà Nguyễn Thu V đã được lập thành văn bản được công chứng, chứng thực tại văn phòng công chứng Bình H, xã Bình H, huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác khi ký kết hợp đồng này dựa trên sự thỏa thuận của hai bên đương

sự. Tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định".* Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng vay tiền này giữa nguyên đơn và bị đơn có hình thức phù hợp hợp với quy định của pháp luật.

[5.2]- Xét nội dung của Hợp đồng vay tiền ngày 14/7/2014:

Nội dung của Hợp đồng vay tiền ngày 14/7/2014 có nội dung phù hợp quy định của pháp luật vì Hợp đồng này đã được Văn Phòng Công Chứng Bình H công chứng xác định tại thời điểm ký kết hợp đồng vay tiền thì cả hai bên đều tự nguyện thực hiện hợp đồng, không bị ép buộc, lừa dối; Đây là sự thỏa thuận của đôi bên, người giao kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự theo qui định, nội dung không vi phạm pháp luật, không trái trạo đức xã hội. Việc giao nhận tiền vay do hai bên tự thực hiện trước khi ký hợp đồng này ngoài sự chứng kiến của công chứng viên và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật phù hợp với qui định tại khoản 1 Điều 473 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Bên cho vay có các nghĩa vụ sau đây: Giao tài sản cho bên vay đầy đủ, đúng chất lượng, số lượng vào thời điểm và địa điểm đã thỏa thuận…".*

[5.3]- Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền vốn gốc: Để thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã giao số tiền 300.000.000 đồng cho bị đơn. Sau khi nhận số tiền vay thì bị đơn đã có tính né tránh và bỏ đi đâu không rõ. Tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…"*. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc là 300.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5.4]- Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi suất trong hạn là 1%/tháng tương đương: 3.000.000 đồng x 06 tháng = 18.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật:

Tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Lãi suất do các bên thỏa thuận, nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng"*.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả tiền lãi trong hạn là 1%/tháng (chưa vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định) là có cơ sở chấp nhận.

[5.5]- Về yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền lãi quá hạn là 219.375.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Tại hợp đồng vay tiền ngày 14/7/2014 giữa nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận về lãi suất quá hạn. Vì vậy:

- Khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: *"Trong trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại* ***thời điểm trả nợ****";*

- Căn cứ theo quy định tại mục 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì: *"****thời điểm trả nợ****"* là ***"thời điểm xét xử sơ thẩm"***;

- Tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/.2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật

về lãi, lãi suất, phạt vi phạm như sau: *"Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả"*. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc).

- Tuy nhiên theo quy định tại mục 2 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/.2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm như sau: *"Mức lãi suất do hai bên thỏa thuận hướng dẫn tại khoản 1 điều này mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng hoặc tại Tòa án.* ***Trường hợp các bên không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn****"*;

Vì vậy, tại phiên tòa đại diện cho nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi suất quá hạn là: 9%/năm (150% lãi suất cơ bản), tương đương 13,5%/năm (1,125%/tháng) cụ thể: 3.375.000 đồng/tháng x 65 tháng x 1,125%/tháng = 219.375.000 đồng, không vượt quá mức lãi suất theo quy định của pháp luật (*150% mức lãi suất trong hạn*) là có cơ sở chấp nhận.

[5.6]- Bị đơn là ông Huỳnh Công H và bà Nguyễn Thu V vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án chứng tỏ: Bị đơn không có thiện chí trong việc trả nợ cho nguyên đơn và không có ý thức tôn trọng pháp luật. Căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc"*. Do đó, bị đơn đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình và phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật.

[5.7]- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Ch, Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn gốc, và tiền lãi trong hạn.

[6]- Từ những căn cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả tiền vốn gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.000.000 đồng, tiền lãi quá hạn là 219.375.000 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi là: 537.375.000 đồng.

[7]- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Công H và bà Nguyễn Thu V phải chịu án phí theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 471, khoản 1, khoản 3 Điều 473, khoản 1 và khoản 5 Điều 474, khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Dương Hiếu Nh đối với bị đơn là ông Huỳnh Công H và bà Nguyễn Thu V.

Buộc ông Huỳnh Công H và bà Nguyễn Thu V có trách nhiệm trả cho ông Dương Hiếu Nh số tiền như sau: Tiền vốn gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 18.000.000 đồng. Tiền lãi quá hạn là 219.375.000 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi là: 537.375.000 (Năm trăm ba mươi bảy triệu ba trăm bảy lươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày ông Dương Hiếu Nh có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Huỳnh Công H và bà Nguyễn Thu V chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo án tuyên thì ông H và bà V còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Các đương sự có quyền thỏa thuận về địa điểm giao nhận tiền và thời điểm giao nhận tiền, trường hợp không thỏa thuận được thì thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Hợp đồng vay tiền lập ngày 14/7/2014 giữa ông Dương Hiếu Nh và vợ chồng ông Huỳnh Công H, bà Nguyễn Thị Vân không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Huỳnh Công H và bà Nguyễn Thu V phải chịu 25.495.000 (Hai mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn lại cho ông Dương Hiếu Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 10.760.000 (Mười triệu bảy trăm sáu mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0006373 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Ch, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo: Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- Các đương sự (6);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Huyền